TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 29/2019/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Lợi, ngày 07 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 251/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp Đ, xã C, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Đ, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông N, sinh năm 1938

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

Bà H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị D và anh Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Đ thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị D và anh Đ thống nhất giao cháu T, sinh ngày 15/7/2015 cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu T đang sống chung với chị D.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng: Chị D và anh Đ thống nhất, anh Huỳnh Tấn Đạt có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T, sinh ngày 15/7/2015 mỗi tháng 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 27/02/2019 đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị D đối với anh Đ về yêu cầu chia tài sản chung gồm giá trị hai chiếc xe máy là 26.000.000 đồng, giá trị vàng 18k là 12.000.000 đồng, tiền mặt 25.000.000 đồng. Do chị D và anh Đ đã tự thỏa thuận được với nhau và chị D có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung.

2.5. Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, do hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị D và anh Đ mỗi người phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được giảm 50% do hòa giải thành bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), anh Đ phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền án phí anh Đ phải chịu là 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Chị D đã nộp tạm ứng án phí 1.343.000 đồng (một triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0013305 ngày 20 tháng 12 năm 2018 và Biên lai số 0013368 ngày 24 tháng 01 năm 2019, đối trừ số tiền án phí, chị D được hoàn lại số tiền 1.268.000 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thụy Lan Chi

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện M;
- CC THADS huyện M ;
- Đương sự;
- UBND thị trấn C;
- Lưu hồ sơ, tòa.